

Số: 3097 /TB-NĐSD

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc gia hạn thời gian nộp báo giá gói thầu: Mua sắm Vật tư Điện và C&I phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2027

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Ngày 25/9/2026 Công ty nhiệt điện Sơn Động-TKV (Công ty) có Thư mời số 2924/TM-NĐSD về việc mời khảo sát và báo giá gói thầu: Mua sắm Vật tư Điện và C&I phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2027. Thư mời đã được đăng tải và thông báo rộng rãi trên Website <https://muasamcong.mpi.gov.vn> mã YCBG số: RQ2600050837 ngày 25/9/2026.

- Theo Thư mời số 2924/TM-NĐSD ngày 25/9/2026 thời hạn nhà cung cấp nộp báo giá là ngày 05 tháng 10 năm 2026.

- Tuy nhiên hết thời hạn trên Công ty chưa nhận đủ số lượng báo giá cần thiết, để tạo điều kiện cho các nhà cung cấp có thêm thời gian khảo sát và chuẩn bị báo giá, Công ty nhiệt điện Sơn Động-TKV thông báo gia hạn thời gian nhận bản báo giá của Thư mời số 2924/TM-NĐSD với nội dung như sau:

- Thời gian nhận báo giá theo Thư mời số 2924/TM-NĐSD: Ngày 05 tháng 10 năm 2026.

- Thời gian nhận báo giá được gia hạn: Không chậm hơn 09 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 10 năm 2026.

- Các nội dung khác trong Thư mời số 2924/TM-NĐSD được giữ nguyên không đổi.

- Phụ lục đính kèm: Thư mời khảo sát và báo giá số 2924/TM-NĐSD.

Vậy Công ty nhiệt điện Sơn Động-TKV thông báo đến các nhà cung cấp được biết để chuẩn bị và nộp hồ sơ báo giá.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc (b/c; e-copy)
- Lưu VT, KHĐT.VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Xuân Trường

Số: 2924/TM – NĐSD

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 9 năm 2026

THƯ MỜI KHẢO SÁT VÀ BÁO GIÁ

Gói thầu: Mua sắm vật tư Điện và C&I phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2027

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Sơn Động- TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV đang có nhu cầu Khảo sát giá các vật tư Điện và C&I phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2027.

Công ty nhiệt điện Sơn Động –TKV kính mời nhà cung cấp (NCC) có quan tâm, tham gia khảo sát và báo giá hàng hóa với nội dung như sau:

1. Thông tin về vật tư cần mua:

1.1. Tên gói thầu: Mua sắm Vật tư Điện và C&I phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2027.

1.2. Chi tiết gói thầu: Bao gồm các nội dung về tên hàng hóa, số lượng, quy cách, thông số kỹ thuật như phụ lục đính kèm:

- Yêu cầu về hàng hóa: Hàng mới 100% sản xuất từ năm 2026 trở lại đây, đúng quy cách, danh điểm và thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa.

- Nhà cung cấp đính kèm cùng báo giá các tài liệu kỹ thuật (nếu có) của hàng hóa như: Catalog của hàng hóa để chứng minh hàng hóa là đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thư mời.

- NCC được phép chào hàng hóa, vật tư tương đương. Nếu chào hàng hóa, vật tư tương đương, NCC cần chào hàng hóa, vật tư có tiêu chuẩn quản lý và chất lượng bằng hoặc cao hơn hàng hóa, vật tư mà bên mời chào giá yêu cầu để đảm bảo tương thích với thiết bị hiện tại của nhà máy và không ảnh hưởng đến chế độ vận hành của thiết bị (phải có bảng so sánh và tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất chứng minh cụ thể, rõ ràng tính tương đương với mặt hàng Công ty yêu cầu).

2. Nội dung Bản chào giá (BCG):

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của NCC:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) bản sao công chứng hoặc bản sao có đóng dấu đỏ của doanh nghiệp.

- Trong quá trình chuẩn bị bản chào giá, Nhà cung cấp có quyền tham gia khảo sát thông số kỹ thuật thiết bị thực tế của Bên Mời chào giá nhằm đảm bảo hàng hóa cung cấp lắp đặt phù hợp và đồng bộ với thiết bị có sẵn của nhà máy.

b. Các yêu cầu về thương mại:

- Bản chào giá phải ghi rõ tên vật tư, quy cách, mã hiệu, đơn vị tính, số lượng, đơn giá của từng vật tư, tổng giá trị gói thầu đã bao gồm các loại chi phí khảo sát, chi phí vận chuyển, các loại thuế và chi phí khác.

- Thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng, hình thức thanh toán, thời gian bảo hành hàng hóa, hiệu lực của bản chào giá.

- Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ xuất xứ, nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa.

- Địa điểm giao hàng: Tại Kho Vật tư Công ty nhiệt điện Sơn Động - TKV; Địa chỉ: Thôn Thanh Sơn – Xã Tây Yên Tử - Thành phố Bắc Ninh.

- Hiệu lực của bản báo giá: ≥ 30 ngày kể từ ngày báo giá.

3. Hình thức tham gia và thời gian báo giá.

1. Hình thức báo giá:

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Báo giá của Quý đơn vị gửi về: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> mã YCBG số: RQ2600050837

- Mọi thông tin trao đổi về phần kỹ thuật và tham gia khảo sát hàng hóa xin vui lòng liên hệ: Nhân viên Phòng KHĐTVT; số điện thoại: 0972.472.214.

2. Thời gian nhận bản báo giá: Bản báo giá được gửi đến Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV chậm nhất ngày 05 tháng 10 năm 2026.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc(b/c, e-copy);
- Lưu: VT, KHĐTVT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Xuân Trường

PHỤ LỤC THƯ MỜI KHẢO SÁT VÀ BÁO GIÁ

Kèm theo thư mời khảo sát và báo giá số: 2924 /TM-NĐSD ngày 25 tháng 9 năm 2026

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/dvt)	Thuế GTGT (%)	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
1	Chổi than	LFC554 Kích thước 25x32x100		Cái	144						
2	Cầu chì cao áp	RN2-10,5kV; 0,5A		Cái	12						
3	Transducer công suất	S3-WD-3-515A4BN		Cái	1						
4	Transducer điện áp	S3-VD-1-15A4B		Cái	1						
5	Transducer dòng điện	S3-AD-1-55A4B		Cái	1						
6	Transducer dòng điện	S3-AD-1-15A4B		Cái	1						
7	Quạt làm mát MBA	FFDDC370-155A; R=1400rpm; P=60W; I=0.5A; U=220V; f=50Hz; lưu lượng = 900m³/h; C=2.5μF		Cái	2						
8	Tụ điện	4μF -450V		Cái	22						
9	Tụ điện	8μF -450V		Cái	4						
10	Role trung gian	Finder 62.32.9.220.0040 Tiếp điểm 16A, điện áp 250VAC/DC Cuộn hút 220VDC		Cái	2						
11	Role trung gian	Finder 60.13.9.220.0040 Tiếp điểm 10A, điện áp 250VAC/DC Cuộn hút 220VDC		Cái	2						
12	Hạt hút ẩm	Màu Trắng silica gel		Kg	30						
13	Switch	LXW5A 5A125-250VAC, 01 N0, 01 NC; chống nước		Cái	4						
14	Role thời gian	JSZ7-SEC-AC220V/T3B4A Cuộn hút 220VAC		Cái	4						
15	Quạt làm mát MBA khô	FFDDC470-155A: R = 1400rpm; P=60W; I = 0,5A; U=220V; f=50HZ, lưu lượng: 900m³/h, C = 2,5μF		Bộ	10						
16	Cầu chì thủy tinh	10A, 6x30mm		Cái	20						
17	Cầu chì thủy tinh	2A, 5x20mm		Cái	10						
18	Tụ điện	2,5μF -450V		Cái	60						
19	Bộ điều khiển nhiệt độ	LD-B10 - A220EFI; In put Pt100		Bộ	1						
20	Lò xo tích năng máy cắt	Spring charging 120W-VACX		Cái	5						
21	Role trung gian	DZY-204, 220VDC		Cái	8						

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/đvt)	Thuế GTGT (%)	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
22	Động cơ tích năng	Eaton electrical motor: 449D431H22 - 220VAC/250VDC		Cái	2						
23	Đèn tín hiệu	AD16-22D(W) 220VDC; Màu trắng		Cái	10						
24	Switch	X-10GW-B, 3A 250VDC		Cái	5						
25	Mỡ dẫn điện	G.Beslux Contact L-3/S		Kg	7						
26	Bộ sấy + cảm biến	GYQ-150W+KWS-8 (Loại đế chân đế cài)		Bộ	5						
27	Nút ấn	LAY39B(G) (01 NO; 01NC); Màu xanh		Cái	20						
28	Nút ấn	LAY39B(R) (01 NO, 01 NC); Màu đỏ		Cái	20						
29	Đèn tín hiệu	AD16-22D (Y); 220VDC; Màu vàng		Cái	10						
30	Đèn tín hiệu	AD16-22D (G); 220VDC; Màu xanh		Cái	20						
31	Đèn tín hiệu	AD16-22D (R); 220VDC; Màu đỏ		Cái	20						
32	Đèn tín hiệu	AD16-22D (Y); 220VAC; Màu vàng		Cái	10						
33	Đèn tín hiệu	AD16-22D (G); 220VAC; Màu xanh		Cái	15						
34	Đèn tín hiệu	AD16-22D (R); 220VAC; Màu đỏ		Cái	15						
35	Áp tô mát	220VDC, 1P-10A (kèm tiếp điểm phụ 1NO, 01NC)		Cái	4						
36	Áp tô mát	220VAC, 1P-10A (kèm tiếp điểm phụ 1NO, 01NC)		Cái	4						
37	Khóa chuyển mạch	APT LM39B-16RE44/4		Cái	3						
38	TI	3000/5 APT, ALH-0,66		Cái	3						
39	Cuộn hút mạch đóng, cắt MC 0,4kV	MX-FX/SHT-SHC;200-250 AC-DC		Cái	16						
40	Bộ điều khiển thông minh	Micrologic 6.0A		Cái	8						
41	Màn hình giám sát	ST522L: Loại jack kết nối COM		Cái	4						
42	Bộ điều khiển thông minh	ST571MA-F-25-V2M1		Bộ	2						
43	Bộ điều khiển thông minh	ST571MA-F-100-V2M1		Bộ	2						
44	Công tắc tơ	LC1-D -40- 400V, cuộn hút 220VDC		Cái	5						
45	Công tắc tơ	LC1-D-80 - 400V, 220VDC		Cái	5						
46	Co ngót hạ áp	Co ngót hạ áp D20 (co nhiệt 1000V, Ø20mm)		Mét	30						
47	Co ngót hạ áp	Co ngót hạ áp D30 (co nhiệt 1000V, Ø30mm)		Mét	30						
48	Bóng đèn led 1,2m	T8 TT01 1200/20W;6500K; CRI>=82		Cái	150						
49	Bóng đèn led 0,6m	T8 N02 600/10W;6500K; CRI>=82		Cái	100						

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/dvt)	Thuế GTGT (%)	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
50	Đui đèn ly công nghiệp	E27+lơ thu RT27-RN21 (đui sứ E27, vỏ nhôm đúc,; bao gồm Nơ thu RT27-RN21		Cái	100						
51	Dây điện	2x1.5mm2		Mét	300						
52	Dây điện	2x2.5mm2		Mét	370						
53	Đèn LED	Đèn LED E27 30W (Order code: TR100N1 30W E27 6500K); Chỉ số hoàn màu CRI Ra>80		Cái	300						
54	Đèn High baylinht	Đèn High baylight 150W (Order code: HB02 430/150W 6500K); 220VAC; Chỉ số hoàn màu CRI Ra>80		Cái	6						
55	Bóng đèn phòng nổ	Bóng đèn phòng nổ loại tròn dài 1,2m (Order code: HLEP TL33-36 TH); 220VAC; 40W; Chỉ số hoàn màu CRI Ra>80		Bộ	6						
56	Đèn Led vuông	SLPC300 (300W; 220VAC ; kt 435*390*110 mm; IP66)		Cái	10						
57	Đèn led highbay	200W, 220 VAC/50HZ, IP66, ánh sáng trắng. Model: HB02 200W.DA		Cái	10						
58	Đèn led vuông	100W- 220VAC/50HZ, IP66. ánh sáng trắng CP06 100W		Cái	20						
59	Đèn led Panel chiếu thẳng	PN-RD-P06- 600x600, 50W; 6500K		Cái	50						
60	Áp tô mát	380V, 3P-100A dạng cài		Cái	5						
61	Áp tô mát	380V, 3P-50A dạng cài		Cái	5						
62	Áp tô mát	Áp tô mát 220V, 1P-20A dạng cài		Cái	10						
63	Áp tô mát	Áp tô mát 250V, 1P- 10A dạng cài		Cái	30						
64	Quạt làm mát các động cơ chạy qua biển tần	Quạt làm mát: Model; A2D250- AA02-02, điện áp 230-400VAC50Hz; Ø cánh 250 mm; 05 cánh; độ rộng cánh 85mm; độ cao cánh 74mm; đường kính động cơ 92mm; chiều dài động cơ 82mm		Cái	6						
65	Đèn tín hiệu	AD16-22D (W); 220VAC; Màu trắng		Cái	5						
66	Quạt hút gió tủ điện,	Điện áp 220VAC; 150x150x66mm; công suất 25W		Cái	5						

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/dvt)	Thuế GTGT (%)	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
67	Đất sét làm kín tủ điện	NEOSEAL B-3		Kg	10						
68	Công tắc tơ mạch lực	380V, I=160A, P=75kW, 3TF51, Ucuon hut=380V.		Cái	1						
69	Công tắc tơ mạch lực	380V, I=100A, P=45kW, 3TF49, Ucuon hut=380V.		Cái	1						
70	Role dòng điện	TL12-75, 75A		Bộ	6						
71	Tay lấy điện cầu trục	Conllector 200A ;MS-CL-004-200 (bao gồm chổi than, dây dẫn và tay kim loại)		Cái	18						
72	Tay lấy điện cầu trục	Model: CH7504 , 1P 200A (bao gồm chổi than, dây dẫn và tay kim loại, 01 bộ gồm 06 Cái)		Cái	6						
73	Contactơ	450V - 630A; cuộn hút 220VAC		Cái	2						
74	Role thời gian Nadian	ND6-E		Cái	1						
75	Công tắc chuyển mạch	Công tắc xoay 3 vị trí: LW12-16 (5 tầng tiếp điểm)		Cái	2						
76	Nút ấn	LA39-B2-11/G (01 NO, 01NC); Màu xanh		Cái	2						
77	Nút ấn	LA39-B2-11/R (01 NO, 01 NC); Màu đỏ		Cái	2						
78	Diode phanh điện từ	Diode phanh: ZLKS-170-4; AC380V; 170-190VDC		Bộ	1						
79	Điện thoại bàn	KX-TS560		Cái	10						
80	Role trung gian	8 chân, 220VDC, bao gồm chân đế		Cái	12						
81	Role trung gian	14 chân, 220VDC, bao gồm chân đế		Cái	12						
82	Role trung gian	8 chân, 220VAC, bao gồm chân đế		Cái	20						
83	Bông tắm	10x2000mm		Mét	60						
84	Cầu chì sứ	NT1 250A		Cái	4						
85	Thyristor	LIUJING KP 300A/1600V		Cái	8						
86	Contactơ	3P-40A - Coil 220VAC. Model: MC-40A		Cái	6						
87	Contactơ	3P-32A - Coil 220VAC. Model: MC-32A		Cái	3						
88	Role nhiệt	MT40A; Dài dòng điều chỉnh từ 1 – 40A		Cái	6						

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/dvt)	Thuế GTGT (%)	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
89	Máy nén	LNB53FMKMC-L 58-400VDC; inverter;30-360HZ; 5480W; R410A		Cái	1						
90	Máy nén	GMCC SEAVC08D73ULK 8,5kW ; Gas: R410A		Máy	1						
91	Bo mạch dàn nóng	EK258-1/4-20SEP24N0304G		Cái	1						
92	Gas điều hòa	R410A		Kg	108						
93	Máy nén	ZRD72KC-TFD-433; Oil:OZ-57; 380V; IP21		Máy	1						
94	Máy nén:	Kiểu loại: ZR72KC-TFD-420; Oil:OZ-57; 380V; IP21		Máy	2						
95	Bo mạch giàn nóng	GRZS5-Bo mạch giàn nóng: 2MV1.4 (WZ65A35 30226065)		Cái	2						
96	Bo mạch giàn nóng	GRZS5-1MV1.5 (30225012)		Cái	2						
97	Bo mạch giàn nóng	PCB GRZJ3-Q1 V1.3; PCB GRZW6A-A1 V1.0; 14F217BA		Cái	2						
98	Contactor	15kW; cuộn hút 220VAC; GC3-22/11KK		Cái	6						
99	Rơle nhiệt	CR3-25; 11,9A		Cái	6						
100	Gas điều hòa	R22		Kg	230						
101	Van tiết lưu	GRZ-PA2021		Cái	10						
102	Bo mạch giàn lạnh	PCB GRZ63-A V1.2		Cái	20						
103	Tụ điện	2,5 μ F, 400VAC, loại vỏ nhựa, vuông		Cái	30						
104	Cảm biến nhiệt độ	15K (15K Ω)		Cái	15						
105	Máy nén	C-SB373H8A; AC 3 pha 380-415V; Oil: R22		Máy	3						
106	Máy nén	C-SBX 180 H38A; 3 pha 380V; R22 oil: SAY 56T		Máy	3						
107	Cáp tiết lưu	Cáp tiết lưu Ø3mm		Mét	5						
108	Máy nén	QXAS-H49sN345A R410A 380-415V/50Hz		Máy	3						
109	Tụ điện	20 μ F $\pm$ 5%, 450VAC (tụ vỏ nhôm)		Cái	20						
110	Contactor	LC1 D09 01: 25A; 4KW; 1 NC; 1 NO; điện áp cuộn hút 220VAC		Cái	10						

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/dvt)	Thuế GTGT (%)	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
111	Contactơ	3 pha, 32A, điện áp cuộn hút 220VAC; 1 tiếp điểm phụ NO, 1 tiếp điểm phụ NC		Cái	6						
112	Điều hòa	12000BTU CU/CS-YZ12AKH-8 (2 chiều Inverter)		Bộ	8						
113	Áp tô mát	MCB 2P 16A (loại cài trên thanh cài)		Cái	7						
114	Hộp chứa át đôi lắp nổi	Hộp nhựa, dùng cho MCB 2P (2 cực; phù hợp với aptomat thanh cài MCB 2P 16A))		Cái	7						
115	Ống thoát nước điều hòa	SP-SINO SP9020DH		Mét	52						
116	Ống đồng đôi cuộn + kèm bảo ôn	INABA-2320-JE, đường kính ống Ø6,35 x Ø9,52)mm, độ dày ống 0,71mm		Mét	52						
117	Băng cuộn bảo ôn điều hòa (xi trắng quấn ống đồng)	Rộng 90mm x dài 12 mét		Cuộn	30						
118	Gen hộp	24x14mm (2m/cây)		Mét	70						
119	Bo mạch dàn lạnh	Bo đa năng: YX-PG202KC-D có mặt hiển thị		Cái	5						
120	Gas	R32a		Kg	12						
121	Máy nén:	12000BTU; 1,5HP; 220VAC; R22		Cái	3						
122	Bộ điều khiển palang cầm tay	Tay điều khiển 9 nút (1 nút dùng khẩn cấp, 01 nút On, 01 nút OFF, 06 nút bấm NO)		Cái	3						
123	Bộ điều khiển palang cầm tay	Tay điều khiển 7 nút (1 nút dùng khẩn cấp, 01 nút On, 01 nút OFF, 04 nút bấm NO)		Cái	2						
124	Cáp điện	RVVJ 8x1.25 mm2 (cáp có sợi thép chịu lực)		Mét	50						
125	Switich hành trình	YS513		Cái	6						
126	Contactơ	3 pha; 32A 36VAC NXC-32		Cái	5						
127	Senso nhiệt độ	Model WZP-280; Pt100; Ø8mm; dài đo: 0÷200°C; L=170mm; bao gồm ecu và khuyên đồng		Cái	2						

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/dvt)	Thuế GTGT (%)	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
128	Senso nhiệt độ	Model WZPK-336S; Pt100; L=170mm; -200÷500°C; cấp dung sai A		Cái	4						
129	Đồng hồ đo nhiệt độ tại chỗ	WSS-481 (0÷ 100 C). Đường kính mặt đồng hồ 100mm, ren mịn		Cái	4						
130	Đồng hồ áp lực	(0÷1 Mpa): Ren G1/2" Major diameter: 20,955mm; Minor diameter: 19.200mm; Pitch: 1.814mm		Cái	2						
131	Đồng hồ áp lực	(0÷ 2.5 Mpa): Ren G1/2" Major diameter: 20,955mm; Minor diameter: 19.200mm; Pitch: 1.814mm		Cái	2						
132	Đồng hồ áp lực	(0÷25 Mpa): Ren G1/2" Major diameter: 20,955mm; Minor diameter: 19.200mm; Pitch: 1.814mm		Cái	2						
133	Bộ đo mức	UWT level control: UWT GmbH-D-87488 Betzigau; NB 4200 - D021XC; Supply: 230 VAC; Output: 4-20mA; L=30m; DN100PN16/4"; Conduit entry: M25/M20x1.5; T(amb): -20÷+60°C; T(process): -40÷+80°C; P(process): -0.2÷+0.2°C		Cái	1						
134	Bình Oxy	Mẫu chuẩn 0,4%; bình 10 lít, Đầu kết nối với van tay: phi 21.7x14 ren/1inch		Bình	2						
135	Bình Oxy	Mẫu chuẩn 8%; bình 10 lít, Đầu kết nối với van tay: phi 21.7x14 ren/1inch		Bình	2						
136	Điốt chỉnh lưu của bộ ngẫu hợp thủy lực bơm cấp	Input 220VAC; Output 65VDC		Cái	3						
137	Tụ điện	3μF - 250VAC		Cái	6						
138	Biến trở của bộ ngẫu hợp thủy lực bơm cấp	WDJ22G-A6; 1KΩ + kèm theo bộ bánh răng		Cái	3						
139	Main cấp nguồn MU/MK	Model: MU-Power		Cái	4						
140	Main điều khiển MU/MK	Model: D09-2332A		Cái	4						

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/dvt)	Thuế GTGT (%)	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
141	Main Local/Remote MU/MK	Model: Local/Remote MU		Cái	4						
142	Role bán dẫn	Model: JGX1585-40A		Cái	6						
143	Main cấp nguồn van LK	Model: LK - Power; dùng cho loại Van LK		Cái	4						
144	Main Local/Remote van LK	MSTBV4		Cái	4						
145	Contactơ	CJX8-16-30-01; Cuộn hút 380VAC		Cái	10						
146	Cuộn hút van điện từ	Parker; Voltage 230AC, 22.3W; CCP 230D		Cái	1						
147	Switch hành trình:	D4N-212G		Cái	4						
148	Cảm biến tiệm cận	E2E-X10MY1		Cái	4						
149	Cốc lọc khí	SAW/SAL4010-05		Cái	2						
150	Tiếp điểm phụ	LA1DN22 (2NO,2NC)		Cái	6						
151	Relay nhiệt	LR2-D1308N; I=2,5÷ 4A		Cái	6						
152	Relay nhiệt	LR2-D1305N; I=0,63÷ 1A		Cái	6						
153	Swich hành trình	801-NX7;10A; 600VAC		Cái	2						
154	Swich hành trình	KW6		Cái	6						
155	Main điều chỉnh điện áp điện trường	Kecheng; Model: Epic1; Z001		Cái	3						
156	Main nguồn điều chỉnh điện áp	Kecheng; Model: Epic1; Z002		Cái	3						
157	Bộ điều khiển điện trường	Bộ điều khiển điện trường (màn hình Epic)		Bộ	3						
158	Cốc lọc khí	SAW/SAL4010-04		Cái	4						
159	Đồng hồ đo điện áp	COMPLETE; CP-96; 0÷450V		Cái	1						
160	Đồng hồ đo điện áp	COMPLETE; CP-96; 0÷100KV; 0.4mA		Cái	1						
161	Đồng hồ đo dòng điện	COMPLETE; CP-96; 0÷300A; 300/5A		Cái	1						
162	Đồng hồ đo dòng điện	COMPLETE; CP-96; 0÷800mA; 1V		Cái	1						
163	Van điện từ	4V210-08; 220VAC		Cái	10						
164	Van MOOG:	G761-3033B; Type: S63JOGA4VPL		Cái	9						
165	Điện cực PH/Nhiệt độ	WEKO - PH		Cái	1						
166	Điện cực Amoni	WEKO-NH4-SP-IE		Cái	1						
167	Điện cực tham chiếu	WEKO-NH4-SP-PE		Cái	1						

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/dvt)	Thuế GTGT (%)	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
168	Sứ cách điện	Điện áp 72kV; chiều dài 510mm; bước sứ 51mm		Quả	4						
169	Bình khí Ni tơ (nạp lại)	N2 công nghiệp 99% ; Thể tích chai chứa :40 lít Áp suất: 150 bar Vỏ chai: thép hợp kim		Chai	10						
170	Ga 134a	134a		Kg	15						
171	Contactơ	NXC-100; 3 Pha; I=100A (Ie=Ith=125A); Điện áp cuộn hút 380VAC; bao gồm cặp tiếp điểm phụ 01 NC + 01NO		Cái	2						